

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 92/NQ-HĐND

Yên Châu, ngày 21 tháng 9 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về bổ sung kinh phí chi cho công tác bầu cử đại biểu  
Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU  
KHOÁ XXI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 148/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 01 năm 2021 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ  
kinh phí đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa  
XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Sơn La;*

*Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về quản lý, điều hành  
ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 10 tháng  
12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu chi  
ngân sách năm 2021; Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt thu hồi, phân bổ kinh phí chi  
cho công tác bầu cử đại biểu đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng  
nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện tại Tờ trình số 264/TTr-UBND  
ngày 08 tháng 9 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 50/BC-HĐND ngày 16 tháng 9  
năm 2021 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận và kết quả  
biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bổ sung kinh phí chi cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 (bao gồm kinh phí phục vụ công tác phòng chống dịch Covid - 19 trước và trong thời gian diễn ra bầu cử), với nội dung sau: ✓

**Tổng số tiền: 1.586.271.000 đồng** (Số tiền bằng chữ: Một tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).

**\* Nguồn kinh phí thực hiện:**

- Kinh phí tỉnh giao tại Quyết định 1831/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, số tiền: 227.000.000 đồng.

- Kinh phí tạm ứng từ nguồn kinh phí chi kết dư ngân sách cấp huyện năm 2020, số tiền: 309.766.000 đồng.

- Kinh phí chi Dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2021 giao tại Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, số tiền: 910.000.000 đồng.

- Kinh phí chi phòng chống dịch Covid-19 năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021 tại Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, số tiền: 139.505.000 đồng.

(Có 01 phụ lục tổng hợp và 02 phụ lục chi tiết kèm theo)

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XXI, kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận: *kh*

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ĐV: Phòng Nội vụ, TT TTVH;
- VP HĐND-UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH, Ngọc 100 bản.



**Tùng Thế Anh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU

Phụ lục tổng hợp

BỘ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021 THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2025 (BAO GỒM KINH PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID - 19 TRƯỚC VÀ TRONG THỜI GIẠN ĐIỂN RA BẦU CỬ)

(Kèm theo Nghị quyết số: 92/NQ-HĐND ngày 21/9/2021 của HĐND huyện Yên Châu)

DVT:

STT	Tên đơn vị	Tổng số kinh phí thực hiện	Kinh phí đã bố trí thực hiện	Trong đó				Kinh phí bổ sung đợt này	Nguồn kinh phí thực hiện			
				Giao đầu năm tại QĐ số 1299/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Yên Châu	Kinh phí tính bổ sung tại Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	Kinh phí chi Dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2021	Kinh phí chi dự phòng ngân sách cấp xã		Kinh phí tính giao tại Quyết định 1831/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	Kinh phí tạm ứng từ nguồn kết dư ngân sách cấp huyện năm 2020	Kinh phí chi Dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2021	Kinh phí chi phòng chống dịch Covid-19 năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021
	<b>Tổng số</b>	<b>4.644.857.000</b>	<b>3.058.586.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.335.000.000</b>	<b>93.586.000</b>	<b>430.000.000</b>	<b>1.586.271.000</b>	<b>227.000.000</b>	<b>309.766.000</b>	<b>910.000.000</b>	<b>139.505.000</b>
1	Cấp huyện	1.587.123.000	1.278.791.000	600.000.000	585.205.000	93.586.000		308.332.000	227.000.000		81.332.000	
2	Cấp xã	3.057.734.000	1.779.795.000	600.000.000	749.795.000		430.000.000	1.277.939.000		309.766.000	828.668.000	139.505.000



Phụ lục số I

**BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021 THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV  
VÀ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2026  
(BAO GỒM KINH PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID - 19 TRƯỚC VÀ TRONG THỜI GIAN DIỄN RA BẦU CỬ)**

**Cấp huyện**

(Kèm theo Nghị quyết số: 92/NQ-HĐND ngày 21/9/2021 của HĐND huyện Yên Châu)

DVT: Đ

STT	Tên đơn vị	Tổng số kinh phí thực hiện	Kinh phí ngân sách tỉnh đã cấp	Trong đó		Kinh phí bổ sung đợt này	Trong đó		G
				Giao đầu năm tại QĐ số 1299/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Yên Châu	Giao tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện Yên Châu		Kinh phí tỉnh giao tại Quyết định 1831/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	Kinh phí đề nghị bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2021	
	<b>Tổng số</b>	<b>1.587.123.000</b>	<b>1.278.791.000</b>	<b>600.000.000</b>	<b>678.791.000</b>	<b>308.332.000</b>	<b>227.000.000</b>	<b>81.332.000</b>	
1	Văn phòng HĐND - UBND	277.800.000	121.550.000	-	121.550.000	156.250.000	156.250.000		
2	Phòng Nội vụ	1.033.091.000	1.033.091.000	550.000.000	483.091.000	-			
3	UB MTTQ Việt Nam huyện	142.585.000	74.150.000	-	74.150.000	68.435.000	68.435.000		
4	TT Truyền thông Văn hóa	133.647.000	50.000.000	50.000.000	-	83.647.000	2.315.000	81.332.000	

**CHỦ TỊCH**  
  
**Tông Thế Anh**

**BỘ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021 THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2025 (BAO GỒM KINH PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID - 19 TRƯỚC VÀ TRONG THỜI GIẠN DIỄN RA BẦU CỬ)**

Cấp xã

(Kèm theo Nghị quyết số: 92/NQ-HĐND ngày 21/9/2021 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính:

Số TT	Nội dung	Tổng nhu cầu kinh phí	Trong đó		Tổng nguồn kinh phí đã sử dụng	Trong đó			Kinh phí bổ sung đợt này	Trong đó		
			Các nội dung phục vụ công tác bầu cử	Kinh phí Vật tư y tế phòng chống dịch Covid-19 trong ngày bầu cử HĐND		Kinh phí đã phân bổ tại QĐ số 1299/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện	Kinh phí bổ sung tại QĐ 406 của UBND huyện (đợt 2)	Sử dụng dự phòng ngân sách cấp xã		Kinh phí chi dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2021	Kinh phí tạm ứng nguồn kết dư ngân sách cấp huyện năm 2020	Kinh phí chi chống dịch COVID-19 năm 2020 chuyển nguồn năm 2021
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.057.734.000</b>	<b>2.918.229.000</b>	<b>139.505.000</b>	<b>1.779.795.000</b>	<b>600.000.000</b>	<b>749.795.000</b>	<b>430.000.000</b>	<b>1.277.939.000</b>	<b>828.668.000</b>	<b>309.766.000</b>	<b>139.505.000</b>
1	Xã Chiềng Đông	254.760.000	245.060.000	9.700.000	134.443.000	40.000.000	64.443.000	30.000.000	120.317.000	110.617.000		9.700.000
2	Xã Chiềng Sàng	183.539.000	178.579.000	4.960.000	108.625.000	40.000.000	38.625.000	30.000.000	74.914.000	69.954.000		4.960.000
3	Xã Chiềng Păn	215.681.000	213.341.000	2.340.000	123.162.000	40.000.000	53.162.000	30.000.000	92.519.000	90.179.000		2.340.000
4	Xã Viêng Lán	138.631.000	131.186.000	7.445.000	84.162.000	40.000.000	24.162.000	20.000.000	54.469.000	47.024.000		7.445.000
5	Thị Trấn	166.621.000	156.161.000	10.460.000	93.210.000	40.000.000	23.210.000	30.000.000	73.411.000	62.951.000		10.460.000
6	Xã Chiềng Khoi	159.873.000	150.618.000	9.255.000	92.235.000	40.000.000	22.235.000	30.000.000	67.638.000	58.383.000		9.255.000
7	Xã Sập Vạt	191.155.000	182.065.000	9.090.000	107.123.000	40.000.000	47.123.000	20.000.000	84.032.000	74.942.000		9.090.000
8	Xã Chiềng Hặc	262.791.000	247.791.000	15.000.000	159.032.000	40.000.000	89.032.000	30.000.000	103.759.000	88.759.000		15.000.000
9	Xã Tú Nang	243.529.000	230.124.000	13.405.000	131.557.000	40.000.000	61.557.000	30.000.000	111.972.000	98.567.000		13.405.000
10	Xã Mường Lựm	164.394.000	152.839.000	11.555.000	105.310.000	40.000.000	35.310.000	30.000.000	59.084.000	47.529.000		11.555.000
11	Xã Lóng Phiêng	221.715.000	206.770.000	14.945.000	131.537.000	40.000.000	61.537.000	30.000.000	90.178.000	75.233.000		14.945.000
12	Xã Chiềng Tương	182.621.000	180.471.000	2.150.000	118.619.000	40.000.000	48.619.000	30.000.000	64.002.000	4.530.000	57.322.000	2.150.000
13	Xã Phiêng Khoài	299.171.000	290.456.000	8.715.000	160.631.000	40.000.000	90.631.000	30.000.000	138.540.000		129.825.000	8.715.000
14	Xã Chiềng On	159.492.000	154.007.000	5.485.000	101.098.000	40.000.000	31.098.000	30.000.000	58.394.000		52.909.000	5.485.000
15	Xã Yên Sơn	213.761.000	198.761.000	15.000.000	129.051.000	40.000.000	59.051.000	30.000.000	84.710.000		69.710.000	15.000.000

